

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 23/2001/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai
đoạn 2001 – 2010**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em ngày 12 tháng 8 năm 1991;

*Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam
tại Tờ trình số 03/TTr-BVCSTE ngày 12 tháng 02 năm 2001,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn
2001-2010" với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu tổng quát: Tạo mọi điều kiện tốt nhất nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu
và các quyền cơ bản của trẻ em, ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em,
xây dựng môi trường an toàn và lành mạnh để trẻ em Việt Nam có cơ hội được bảo
vệ, chăm sóc, giáo dục và phát triển toàn diện về mọi mặt, có cuộc sống ngày càng
tốt đẹp hơn.

2. Các mục tiêu cụ thể:

a) Về sức khỏe, dinh dưỡng:

Giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi xuống 30‰ số trẻ em sinh ra sống vào năm
2005 và xuống dưới 25‰ vào năm 2010; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi
xuống 36‰ vào năm 2005 và xuống dưới 32‰ vào năm 2010; giảm tỷ lệ tử vong
bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 80/100.000 vào năm 2005 và xuống dưới
70/100.000 vào năm 2010.

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi ở thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) xuống dưới 25% vào năm 2005 và xuống dưới 20% vào năm 2010; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi ở thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) bình quân mỗi năm 1,5%.

b) Về nước sạch và vệ sinh môi trường:

Đảm bảo 80% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh vào năm 2005 và 85% vào năm 2010; 85% dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh vào năm 2005 và 90% vào năm 2010; 50% hộ gia đình và dân cư nông thôn được sử dụng hố xí hợp vệ sinh vào năm 2005 và 70% vào năm 2010; 70% hộ gia đình và dân cư thành thị được sử dụng hố xí hợp vệ sinh vào năm 2005 và 90% vào năm 2010.

c) Về giáo dục cơ sở:

Củng cố thành tựu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên toàn quốc vào năm 2010; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp; đổi mới căn bản và toàn diện nội dung và phương pháp giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành.

Giáo dục Mầm non: Số trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 85% vào năm 2005 và 95% vào năm 2010.

Giáo dục Tiểu học: Số học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 97% vào năm 2005 và 99% vào năm 2010; số học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học đạt 85% vào năm 2005 và 95% vào năm 2010; 80% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn học hết tiểu học và số còn lại học hết lớp 3 vào năm 2010; không còn trẻ em bước vào tuổi 15 bị mù chữ vào năm 2010.

Giáo dục Trung học cơ sở: Số học sinh tốt nghiệp bậc trung học cơ sở đạt 72% vào năm 2005 và 75% vào năm 2010.

d) Về bảo vệ trẻ em:

Bảo vệ trẻ em không bị xâm hại bởi các tệ nạn xã hội; phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em; chống mọi sự phân biệt đối xử đối với trẻ em; phòng ngừa trẻ em bị tai nạn thương tích.

Đảm bảo 80% số trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc vào năm 2005 và 100% vào năm 2010.

Giảm đến mức thấp nhất số trẻ em bị tai nạn thương tích.

Tăng cường chăm sóc trẻ em khuyết tật và tàn tật: Số trẻ em sút môi, hở hàm ếch được phẫu thuật chỉnh hình đạt 90% vào năm 2005 và 95% vào năm 2010; số trẻ em khuyết tật được hỗ trợ phục hồi chức năng đạt 65% vào năm 2005 và 70% vào năm 2010.

Đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Số trẻ em lang thang kiếm sống và trẻ em phải lao động nặng nhọc, độc hại giảm 70% vào năm 2005 và giảm 90% vào năm 2010; giảm dần vào năm 2005 và giảm cơ bản vào năm 2010 số trẻ em bị xâm hại tình dục, bị mua bán; số trẻ em bị nghiện ma túy giảm 70% vào năm 2005 và 90% vào năm 2010; số trẻ em phạm các tội đặc biệt nghiêm trọng giảm 70% vào năm 2005 và giảm 90% vào năm 2010.

Phòng ngừa để giảm đến mức thấp nhất số trẻ em bị lây nhiễm HIV và mắc bệnh AIDS. Số trẻ em được khai sinh trước 5 tuổi đạt 80% vào năm 2005 và 90% vào năm 2010.

đ) Về văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em:

Đến năm 2005 có 50% và đến năm 2010 có 100% số xã, phường tổ chức được cơ sở văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em, trong đó đến năm 2005 có 40% và đến năm 2010 có 50% số cơ sở đủ tiêu chuẩn; đến năm 2005 có 75% và đến năm 2010 có 100% số quận, huyện tổ chức và quản lý được cơ sở văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em.

Tăng số lượng trẻ em tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ, tham gia các hoạt động xã hội lành mạnh và số trẻ em tình nguyện tham gia các hoạt động văn hoá, xã hội bổ ích.

3. Các giải pháp chủ yếu:

a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo của chính quyền các cấp đối với công tác trẻ em, đặc biệt tại những vùng dân tộc ít người, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn, ngăn